※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.

※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

■ 고용보험법 시행규칙 [별지 제90호서식] <개정 2021. 12. 31.>

■ Thông tư hướng dẫn Luật Bảo hiểm việc làm [Mẫu đính kèm số 90] <Sửa đổi 2021. 12. 31.>

# 미지급 실업급여 청구서

# ĐƠN YÊU CẦU TRỢ CẤP THẤT NGHIỆP CHƯA THANH TOÁN

| 접수번호<br>Số tiếp nhận | 접수일<br>Ngày tiếp nhận | 처리기간 : 5일<br>Thời gian xử lý : 5 ngày |
|---|---|---|
| | | |

| | | |
|---|---|---|
| 사망한 수급자격자<br>Người thụ hưởng đã qua đời | 성명<br>Họ tên | 주민등록번호<br>Số chứng minh thư Hàn |
| | 사망일<br>Ngày qua đời | 년 월 일<br>Năm tháng ngày |

| | | |
|---|---|---|
| 청구인<br>Người làm đơn | 성명<br>Họ tên | 주민등록번호<br>Số chứng minh thư Hàn |
| | 주소<br>Địa chỉ | (전화번호: 휴대전화: )<br>(Số điện thoại: Số di động: ) |
| | 사망한 수급자격자와의 관계<br>Quan hệ với người thụ hưởng đã qua đời | |

| 미지급 실업급여<br>Trợ cấp thất nghiệp chưa thanh toán | 종류<br>Loại hình | 청구금액<br>Số tiền yêu cầu | 비 고<br>Ghi chú |
|---|---|---|---|
| | | | |
| 계좌번호<br>Số tài khoản | 은행<br>Ngân hàng | (예금주: )<br>(Chủ tài khoản: ) | |

「고용보험법 시행령」 제76조제1항·제93조의2·제104조의8제8항·제104조의15제8항 및 같은 법 시행규칙 제100조·제115조의5·제125조의4·제125조의10에 따라 위와 같이 청구합니다.

Tôi xin yêu cầu như trên theo khoản 1 Điều 76, Điều 93-2, khoản 8 Điều 104-8, khoản 8 Điều 104-15 "Nghị định Luật Bảo hiểm thất nghiệp" và Điều 100, Điều 115-5, Điều 125-4, Điều 125-10 Thông tư hướng dẫn Luật trên.

년 월 일
Năm tháng ngày

청구인 (서명 또는 인)
Người làm đơn (Kí tên hoặc đóng dấu)

○○지방고용노동청(○○지청)장 귀하

Kính gửi Giám đốc Sở (văn phòng chi nhánh ○○) Việc làm và Lao động khu vực ○○

| | | |
|---|---|---|
| 청구인 제출서류<br>Hồ sơ người làm đơn nộp | 1. 사망진단서 등 사망사실을 증명할 수 있는 서류 1부<br>1. 1 bản tài liệu chứng minh việc qua đời như giấy chứng tử,...<br>2. 가족관계증명서 및 기본증명서 각 1부(주민등록표 등본만으로 수급권자 확인이 어려운 경우에만 해당합니다)<br>2. 1 bản Giấy chứng nhận quan hệ gia đình và Giấy chứng nhận cơ bản (chỉ áp dụng trong trường hợp khó xác nhận người thụ hưởng chỉ bằng bản sao Giấy đăng ký cư trú) | 수수료 없음<br>Không mất phí |
| 담당 공무원 확인 사항<br>Nội dung cán bộ phụ trách xác nhận | 주민등록표 등본<br>Bản sao Giấy đăng ký cư trú | |

## 행정정보 공동이용 동의서
## Đơn đồng ý sử dụng chung thông tin hành chính

본인은 이 건 업무처리와 관련하여 담당 공무원이 「전자정부법」 제36조제1항에 따른 행정정보의 공동이용을 통하여 위의 '담당 공무원 확인 사항'을 확인하는 것에 동의합니다.

Tôi đồng ý việc người phụ trách kiểm tra nội dung cán bộ phụ trách xác nhận thông qua sử dụng chung thông tin hành chính theo khoản 1 Điều 36 "Luật Chính phủ điện tử" để xử lý các công việc liên quan đến đơn này.

※ 다만, 동의하지 않는 경우에는 신고인이 직접 관련 서류를 제출해야 합니다.

* Nếu không đồng ý, người đăng ký phải nộp trực tiếp các tài liệu liên quan.

청구인 Người làm đơn (서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)

## 개인정보 수집 및 이용 동의서(선택)
## Đơn đồng ý thu thập và sử dụng thông tin cá nhân (tuỳ chọn)

본인은 실업급여 제도 안내 및 관련 제도개선에 필요한 의견조사 등을 위해 우편 또는 휴대전화 등으로 관련 정보 등을 수신하는 것에 동의합니다.

Tôi đồng ý nhận thông tin liên quan qua đường bưu điện hoặc điện thoại di động để cung cấp hướng dẫn về chính sách trợ cấp thất nghiệp và thực hiện các cuộc khảo sát ý kiến cần thiết để cải thiện chính sách liên quan.

① 개인정보의 수집 및 이용 목적: 관련 제도 홍보자료 제공 및 제도개선에 필요한 의견조사 등

① Mục đích thu thập và sử dụng thông tin cá nhân: Cung cấp tài liệu quảng bá chính sách liên quan và khảo sát ý kiến cần thiết để cải tiến chính sách,...

② 수집하는 개인정보의 항목: 청구인 성명, 주소 및 휴대전화번호 등 연락처

② Các mục thông tin cá nhân thu thập: Họ tên, địa chỉ và liên lạc như số động của người làm đơn

③ 개인정보의 수집 및 이용기간: 해당 미지급 실업급여 청구 후 3년

③ Thời gian thu thập và sử dụng thông tin cá nhân: 3 năm từ sau khi yêu cầu trợ cấp thất nghiệp chưa thanh toán

④ 동의 거부 권리 등 안내: 청구인은 개인정보 수집 및 이용에 관하여 동의하지 않을 수 있으며, 이 경우 고용노동부가 제공하는 실업급여 제도 안내 및 관련 정보 등은 제공받을 수 없습니다.

④ Hướng dẫn về quyền từ chối đồng ý: Người làm đơn có thể không đồng ý với việc thu thập và sử dụng thông tin cá nhân, trong trường hợp này người làm đơn sẽ không được cung cấp hướng dẫn về hệ thống trợ cấp thất nghiệp và các thông tin liên quan do Bộ Việc làm và Lao động cung cấp.

위와 같이 개인정보를 수집·이용하는 데 동의하십니까? [ ] 동의함 [ ] 동의안함

Ông/bà có đồng ý với việc thu thập và sử dụng thông tin cá nhân như trên hay không? [ ] Đồng ý [ ] Không đồng ý

청구인 Người làm đơn (서명 또는 인) (Kí tên hoặc đóng dấu)

## 처리절차
## Quy trình xử lý

| 청구서 제출<br>Nộp đơn yêu cầu | → | 접 수<br>Tiếp nhận | → | 확인·검토<br>Xác nhận, kiểm tra | → | 결 재<br>Phê duyệt | → | 전산입력<br>Nhập dữ liệu vào hệ thống | → | 지 급<br>Cấp |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 청구인<br>Người làm đơn | | (고용센터)<br>(Trung tâm việc làm) | | (고용센터)<br>(Trung tâm việc làm) | | (청장·지청장)<br>(Giám đốc sở, Trưởng chi nhánh) | | (고용센터)<br>(Trung tâm việc làm) | | |

210㎜×297㎜[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]